TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN PL – TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm NH dân:

1. Ông **Mai Quốc Bảo**

2. Ông **Danh Hưởng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án NH dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án NH dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Bích NG,** sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp A, xã PT, thị xã GR, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Lê Phong NH,** sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp BHA, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích NG trình bày:*

Về hôn NH: Chị và anh NH tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban NH dân xã VPT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày01/11/2017. Vợ chồng chị đã không sống chung từ năm 2018 đến nay do sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và không còn tình cảm. Nay chị NG yêu cầu được ly hôn với anh NH.

Về con chung: Chị và anh NH có hai người con chung là Lê Minh NH, sinh ngày 14/01/2015 và Lê Minh NH, sinh ngày 08/8/2017, hiện đang sống với chị NG. Chị NG yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung là Lê Minh

NH, sinh ngày 14/01/2015 và Lê Minh NH, sinh ngày 08/8/2017 và chị NG không yêu cầu anh NH phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị NG không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Phong NH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn NH: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn NH và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NG, cho chị NG được ly hôn anh NH.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Minh NH, sinh ngày 14/01/2015 và Lê Minh NH, sinh ngày 08/8/2017 cho chị NG chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh NH có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị NG phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị NG khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh NH, anh NH đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án NH dân huyện PL thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh NH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị NG có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị NG và anh NH là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn NH: Chị NG và anh NH tự nguyện sống chung từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên quan hệ hôn NH giữa chị NG và anh NH là hôn NH hợp pháp. Tuy nhiên, chị NG và anh NH đã không sống chung từ năm 2018 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn NH và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị NG và anh NH không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn NH. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập anh NH nhiều lần nhưng anh NH vẫn không đến, như vậy anh NH đã bỏ mặc quan hệ hôn NH này. Từ đó cho thấy hôn NH của chị NG và anh NH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn NH không đạt được nên căn cứ theo

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn NH và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NG, cho chị NG ly hôn với anh NH.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị NG thì chị NG và anh NH có hai người con chung là Lê Minh NH, sinh ngày 14/01/2015 và Lê Minh NH, sinh ngày 08/8/2017, hiện đang sống với chị NG. Anh NH đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị NG nhưng anh NH không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị NG. Xét thấy, cháu Lê Minh NH và cháu Lê Minh NH sống cùng với chị NG từ khi ly thân đến nay, hiện cháu NH và cháu NH phát triển tốt. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 23/02/2024 cháu Lê Minh NH có nguyện vọng sống cùng với chị NG. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn NH và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu NH, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NG: Giao cháu Lê Minh NH, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Lê Minh NH, sinh ngày 08/8/2017 cho chị NG được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Phong NH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh NH không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn NH và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn NH: Cho chị Huỳnh Thị Bích NG ly hôn anh Lê Phong NH.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh NH, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Lê Minh NH, sinh ngày 08/8/2017 cho chị Huỳnh Thị Bích NG được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Phong NH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị NG không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị NG không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Bích NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị NG đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006623 ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Lê Phong NH không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Như